

Số: 154/BC-UBND

Đồng Hới, ngày 10 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng quyết toán ngân sách Nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2022

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2022, là năm thứ hai thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố Đồng Hới lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025. Việc triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 gặp rất nhiều khó khăn do thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, chính sách tín dụng đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bị ngưng trệ, thị trường tiêu thụ hạn hẹp, việc làm, thu nhập người dân gặp khó khăn. Vì vậy ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội nói chung và tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước nói riêng trong năm 2022.... Trong bối cảnh đó, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố đã tập trung chỉ đạo những giải pháp quyết liệt, kịp thời, hiệu quả nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, cùng với sự quyết tâm, nỗ lực của chính quyền địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong toàn thành phố đã chung tay thực hiện có hiệu quả dự toán thu, chi ngân sách theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, góp phần duy trì ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo đầy đủ an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn, cụ thể:

Với những kết quả đã đạt được, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2022. Cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022. (Có phụ lục số 01 kèm theo)

Năm 2022 thu ngân sách Nhà nước thực hiện: 4.442,7 tỷ đồng (Đã trừ số tiền bổ sung cho ngân sách xã phường 64,7 tỷ đồng), Trong đó:

- Thu Ngân sách trên địa bàn: 3.425,3 tỷ đồng;
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: 294,8 tỷ đồng;
- Thu chuyển nguồn: 715,7 tỷ đồng;
- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 3,3 tỷ đồng;
- Thu kết dư ngân sách năm trước: 3,6 tỷ đồng.

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn:

Tổng thu thực hiện 3.425,3 tỷ đồng đạt 188% so với dự toán thành phố giao (dự toán thành phố giao 1.822,3 tỷ đồng) và đạt 188,3% so với dự toán tỉnh giao (dự toán tỉnh giao 1.818,8 tỷ đồng) bằng 170% so với thực hiện cùng năm 2021. Cụ thể:

1.1 Thu cân đối ngân sách: Thực hiện: 3.422,9 tỷ đồng, đạt 187,8% dự toán thành phố giao, đạt 188,2% dự toán tỉnh giao, bằng 170,2% so với thực hiện năm 2021, Chi tiết các khoản thu như sau:

- **Thu DNNN địa phương:** Tổng thu thực hiện 7,6 tỷ, đạt 138,5% dự toán thành phố và dự toán tỉnh giao, bằng 94,6% so với thực hiện năm 2021.

- **Thu thuế CTN DV NQD:** Tổng thu thực hiện 75 tỷ đồng, đạt 100% dự toán thành phố và đạt 102,8% dự toán tỉnh giao, bằng 88,9% so với thực hiện năm 2021.

- **Thu tiền sử dụng đất:** Tổng thu thực hiện 3.067,3 tỷ đồng, đạt 207,4% dự toán thành phố giao và dự toán tỉnh giao, bằng 204,3% so với thực hiện năm 2021. Khoản thu này đạt dự toán giao là do sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố cùng với sự phối kết hợp của các ban ngành gồm Tài chính - Thuế - Tài nguyên môi trường - Trung tâm phát triển quỹ đất mà các khoản thu liên quan đến thu tiền sử dụng đất được phản ánh kịp thời vào ngân sách nhà nước.

- **Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:** Tổng thu thực hiện 9,3 tỷ đồng đạt 192,6% dự toán thành phố giao và đạt 194,7% dự toán tỉnh giao, bằng 142,9% so với thực hiện năm 2021. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt cao là do ổn định lại giá đất mới theo chu kỳ ổn định năm 2022-2026, đồng thời các xã, phường tích cực rà soát, đôn đốc kê khai, đưa vào quản lý tăng đáng kể về diện hộ trong năm 2022.

- **Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:** Tổng thu thực hiện 2,5 tỷ đồng, đạt 140,4% dự toán thành phố giao và dự toán tỉnh giao, bằng 126,7% so với thực hiện năm 2021.

- **Lệ phí trước bạ:** Tổng thu thực hiện 134,7 tỷ đồng, đạt 85,8% dự toán thành phố và dự toán tỉnh giao, bằng 88,8% so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân khoản thu thuế lệ phí trước bạ không đạt chủ yếu do ảnh hưởng thực hiện chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ đối với oto lắp ráp trong nước áp dụng từ tháng 12/2021 đến 31/5/2022.

- **Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước:** Tổng thu thực hiện 16 tỷ đồng, đạt 123,8% dự toán thành phố và đạt 128,1% dự toán tỉnh giao, bằng 10,1% so với thực hiện năm 2021.

- **Thuế thu nhập cá nhân:** Tổng thu thực hiện 73 tỷ đồng, đạt 119,7% dự toán thành phố giao và dự toán tỉnh giao, bằng 115,4% so với thực hiện năm 2021. Khoản thu này chủ yếu từ hoạt động mua bán chuyên nhượng bất động sản.

- **Thu phí và lệ phí:** Tổng thu thực hiện 15,4 tỷ đồng, đạt 168,1% dự toán thành phố giao và đạt 188,6% dự toán tỉnh giao, bằng 178,3% so với thực hiện năm 2021. Khoản thu này chủ yếu là khoản thu phí khoáng sản, lệ phí của các cơ quan hành chính nhà nước cấp thành phố thực hiện thu phí giao dịch đảm bảo theo quy định của cấp có thẩm quyền, lệ phí môn bài và thu phí giao dịch tại các xã, phường trên địa bàn.

- **Thu tại xã:** Tổng thu thực hiện 0,4 tỷ đồng, đạt 22,4% dự toán thành phố giao và đạt 23,1% dự toán tỉnh giao, bằng 14,5% so với thực hiện năm 2021. Những khoản thu này chủ yếu từ nguồn thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi theo chế độ, thu khác từ quỹ đất, thu tiền phạt, các khoản thu khác tại xã.

- **Thu khác ngân sách:** Tổng thu thực hiện 20,6 tỷ đồng, đạt 152,1% so với dự toán thành phố giao và dự toán tỉnh giao, bằng 82,9% so với thực hiện năm 2021.

- **Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế:** Tổng thu thực hiện 0,7 tỷ đồng, đạt 124,8% so với dự toán thành phố giao và dự toán tỉnh giao, bằng 100% so với thực hiện năm 2021. Khoản thu này là thu nhập từ cổ tức được chia từ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp của Công ty cổ phần môi trường và phát triển đô thị Quảng Bình.

1.2. Các khoản thu ngoài cân đối: Tổng thu thực hiện 2,3 tỷ đồng, là các khoản thu đóng góp tại xã để xây dựng các công trình công cộng trên địa bàn và các khoản thu huy động khác.

2. Thu chuyển nguồn: Tổng thu thực hiện 715,7 tỷ đồng, trong đó thu chuyển nguồn ngân sách thành phố là 543,2 tỷ đồng, ngân sách xã, phường 172,5 tỷ đồng.

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: Tổng thu 294,8 tỷ đồng. Trong đó, Thu bổ sung cân đối 178,8 tỷ đồng; thu bổ sung có mục tiêu 116 tỷ đồng.

4. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: Tổng thu thực hiện 3,3 tỷ đồng. Khoản thu này từ các xã, phường nộp lại các nguồn kinh phí thành phố bổ sung có mục tiêu do hết nhiệm vụ chi.

5. Thu kết dư ngân sách năm trước: Tổng thu thực hiện 3,6 tỷ đồng. Trong đó, kết dư ngân sách thành phố 1,6 tỷ đồng, kết dư ngân sách xã, phường 2 tỷ đồng.

Tóm lại: Năm 2022 kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước đạt kế hoạch giao, hoàn thành cả 3 chỉ tiêu về tổng thể, trong cân đối và cân đối trừ tiền sử dụng

đất. Tuy nhiên, trong 12 khoản thu được giao có 2/12 chưa hoàn thành dự toán giao là lệ phí trước bạ, các loại phí và lệ phí, thu tại xã. Bên cạnh đó tổng số tiền thuế nợ đến 31/12/2022 là 51 tỷ đồng, chiếm 1,4% số thu trong cân đối, trong đó nợ có khả năng thu hồi là 50,6 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do gặp khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, thu hồi công nợ, khả năng thanh toán thấp, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài dẫn đến nợ thuế, sản xuất kinh doanh thua lỗ, phải ngừng hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn nguồn tài chính để nộp tiền thuế nợ.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022: (Có phụ lục số 02 kèm theo)

Tổng chi Ngân sách thành phố năm 2022 thực hiện: 1.816,4 tỷ đồng.

A. Chi cân đối ngân sách địa phương:

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022, Hội đồng nhân dân thành phố giao là 882,7 tỷ đồng, thực hiện 806,2 tỷ đồng đạt 91,3% dự toán giao. Cụ thể các nội dung chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán giao 358,6 tỷ đồng, thực hiện 326,2 tỷ đồng, đạt 90,9% dự toán giao, trong đó:

- Chi từ nguồn ngân sách tập trung: Dự toán giao 21,06 tỷ đồng, thực hiện 16,3 tỷ đồng, đạt 77,5% dự toán;

- Chi từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất: Dự toán giao 337,6 tỷ đồng, thực hiện 266,9 tỷ đồng, đạt 79,06% dự toán;

- Chi phí hạ tầng tạo nguồn quỹ đất đã ghi thu ghi chi vào ngân sách thành phố thực hiện 43 tỷ đồng.

Năm 2022, việc triển khai và quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản chặt chẽ và hiệu quả, Ủy ban nhân dân thành phố đã tập trung chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị và các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Trong năm đã thực hiện điều chuyển vốn tại các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân vốn tốt hơn do đó năm 2022 tỷ lệ giải ngân vốn cơ bản đảm bảo.

2. Chi thường xuyên: Dự toán giao 506,6 tỷ đồng, thực hiện: 465,6 tỷ đồng, đạt 91,9% so với dự toán giao, trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Dự toán giao 107,8 tỷ đồng, thực hiện 89,9 tỷ đồng, đạt 83,3% dự toán. Nguyên nhân đạt thấp do một số chính sách về phát triển đất trồng lúa, hỗ trợ phát triển sản xuất được bãi bỏ tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND

ngày 02/8/2022; Kinh phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt không đạt dự toán giao do thực hiện các thủ tục chậm như đấu thầu, thủ tục thanh toán, khoản kinh phí này đã được chuyển nguồn sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chi; Khoản kinh phí cấp cho Ban quản lý rừng phòng hộ không đạt dự toán giao do thực hiện sát nhập lên Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình...

- Chi sự nghiệp giáo dục: Dự toán giao 234,9 tỷ đồng, thực hiện 229,8 tỷ đồng, đạt 97,8% dự toán.

- Chi sự nghiệp y tế: Dự toán 28,5 tỷ đồng, thực hiện 25,2 tỷ đồng, đạt 88,4% dự toán.

- Chi sự nghiệp tài nguyên môi trường: Dự toán giao 5,5 tỷ, thực hiện 5,4 tỷ đạt 97,9% dự toán. Trong đó có kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất và phát sinh trong năm như ngày môi trường thế giới.

- Chi sự nghiệp văn hóa, TT và thể thao: Dự toán giao 8 tỷ, thực hiện 7,7 tỷ đạt 95,9% dự toán.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, Chi đảm bảo xã hội, quản lý hành chính, an ninh quốc phòng cơ bản chi theo dự toán.

- Chi khác ngân sách: Thực hiện 12,9 tỷ đồng, đạt 97,4% dự toán giao.

3. Chi dự phòng ngân sách: Dự toán giao 17,4 tỷ đồng, thực hiện 14,2 tỷ đồng, đạt 81,8% dự toán giao. Nguồn dự phòng chủ yếu chi cho các nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm như: Kinh phí cho công tác phòng chống thiên tai, phòng cháy, chữa cháy rừng, dịch bệnh, quốc phòng... và đáp ứng một số nhiệm vụ chi đột xuất, cấp bách mà chưa bố trí trong dự toán.

Năm 2022 về chi ngân sách, trước tình hình quốc tế, trong nước nói chung và thành phố nói riêng được dự báo có những có hội, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen..., thành phố đã chủ động thực hiện những biện pháp để đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước năm 2022. Theo đó, thành phố đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, bố trí trong dự toán được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng; kịp thời giải quyết tốt các chế độ chính sách an sinh xã hội; đảm bảo kinh phí phòng chống thiên tai. Công tác quản lý, điều hành thu chi ngân sách được đảm bảo.

B. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường: Tổng chi 36,8 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

C. Chi ngoài dự toán: Tổng chi thực hiện 359,5 tỷ đồng, đạt 55,1% so với số phải cấp. Khoản chi ngày gồm: Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu năm 2022 thực hiện 87 tỷ đồng; Chi chuyển nguồn thực hiện 272,5 tỷ đồng.

D. Chi chuyển nguồn năm 2022 qua năm 2023: 614 tỷ đồng, trong đó:

- Chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 305 tỷ đồng
- Chuyển nguồn chi thường xuyên: 309 tỷ đồng.


III. CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

1. Tổng thu ngân sách địa phương:	2.181 tỷ đồng
1.1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%:	326,9 tỷ đồng
- Ngân sách thành phố:	320 tỷ đồng
- Ngân sách xã phường:	6,9 tỷ đồng
1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	836,7 tỷ đồng
- Ngân sách thành phố:	655,4 tỷ đồng
- Ngân sách xã phường:	181,3 tỷ đồng
1.3. Thu kết dư năm trước:	3,6 tỷ đồng
- Ngân sách thành phố:	1,6 tỷ đồng
- Ngân sách xã, phường:	2 tỷ đồng
1.4. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	715,7 tỷ đồng
- Ngân sách Thành phố:	543,2 tỷ đồng
- Ngân sách xã, phường:	172,5 tỷ đồng
1.5. Thu từ NS cấp dưới nộp lên	3,3 tỷ đồng
- Ngân sách thành phố:	3,3 tỷ đồng
1.6. Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh:	294,8 tỷ đồng
- Bổ sung cân đối:	178,8 tỷ đồng
- Bổ sung có mục tiêu:	116 tỷ đồng
2. Tổng chi ngân sách địa phương:	2.172,7 tỷ đồng
2.1. Chi đầu tư phát triển	766,8 tỷ đồng
- Ngân sách thành phố:	578,6 tỷ đồng

- Ngân sách xã, phường:	188,2 tỷ đồng
2.2. Chi thường xuyên	658,1 tỷ đồng
- Ngân sách thành phố:	558,3 tỷ đồng
- Ngân sách xã, phường:	99,8 tỷ đồng
2.3. Chi chuyển nguồn sang năm sau:	743,6 tỷ đồng
- Ngân sách thành phố:	613,8 tỷ đồng
- Ngân sách xã, phường:	129,8 tỷ đồng
2.4. Chi nộp ngân sách cấp trên:	4,2 tỷ đồng
- Ngân sách thành phố:	0,9 tỷ đồng
- Ngân sách xã, phường:	3,3 tỷ đồng
3. Kết dư ngân sách địa phương:	8,3 tỷ đồng
Trong đó: - Ngân sách thành phố:	1,9 tỷ đồng
- Ngân sách xã, phường:	6,4 tỷ đồng

Số liệu thu, chi ngân sách đã trừ số bổ sung từ ngân sách thành phố cho ngân sách xã, phường 64,7 tỷ đồng để tránh tính trùng làm tăng thu, chi ngân sách địa phương.

Trên đây là báo cáo tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2022, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết nghị thông qua./ 

Nơi nhận:

- HĐND TP;
- UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Phòng Tài chính - KH;
- Lưu VP HĐND-UBND TP;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



HOÀNG NGỌC ĐAN



BÁO CÁO THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản thu	Thực hiện năm 2021	Dự toán tính giao 2022	Dự toán tp giao năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH 2022/TH2021	So sánh TH2022/DT TP	So sánh TH2022/DT Tỉnh
	TỔNG THU NGÂN SÁCH	2.953.671	1.818.800	1.822.344	4.442.733	150,4	243,8	244,3
A	THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀ	2.015.030	1.818.800	1.822.344	3.425.303	170,0	188,0	188,3
I	TỔNG THU CÂN ĐỐI	2.010.744	1.818.800	1.822.344	3.422.945	170,2	187,8	188,2
1	THU DNNN ĐỊA PHƯƠNG	8.046	5.500	5.500	7.615	94,6	138,5	138,5
	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	Thuế GTGT							
2	THU THUẾ CTN DV NQD	82.082	73.000	75.000	75.032	91,4	100,0	102,8
	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	Thuế GTGT							
	Thuế tài nguyên							
	Thuế tiêu thụ đặc biệt							
3	THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1.501.297	1.479.000	1.479.000	3.067.339	204,3	207,4	207,4
	Trong đó: Chi phí XDHT tạo nguồn quỹ đất	41.267						
4	THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	6.539	4.800	4.853	9.345	142,9	192,6	194,7
5	THU CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	1.994	1.800	1.800	2.527	126,7	140,4	140,4
6	LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ	151.682	157.000	157.000	134.742	88,8	85,8	85,8
7	THU TIỀN THUÊ MẶT ĐẤT, MẶT NƯỚC	158.600	12.500	12.931	16.013	10,1	123,8	128,1
8	THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	63.280	61.000	61.000	73.021	115,4	119,7	119,7
9	CÁC LOẠI PHÍ VÀ LỆ PHÍ	8.673	8.200	9.200	15.467	178,3	168,1	188,6
	Trong đó: phí BVMT khoáng sản	591			8.053			
10	THU TẠI XÃ	2.862	1.800	1.860	416	14,5	22,4	23,1
11	THU KHÁC NGÂN SÁCH	24.940	13.600	13.600	20.679	82,9	152,1	152,1
12	THU CÒ TỨC VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ	749	600	600	749	100,0	124,8	124,8
II	CÁC KHOẢN THU KHÔNG CÂN ĐỐI	4.286			2.358	55,0		
	Trong đó: Thu đóng góp XDCS hạ tầng	2.717			1.954	71,9		
B	THU CHUYỂN NGUỒN	631.614	0	0	715.683	113,3		
	Chuyển nguồn TP	477.271			543.211	113,8		
	Chuyển nguồn xã, phường	154.343			172.472	111,7		

STT	Khoản thu	Thực hiện năm 2021	Dự toán tính giao 2022	Dự toán tđ giao năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH 2022/TH2021	So sánh TH2022/DT TP	So sánh TH2022/DT Tỉnh
C	THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN	296.660	0	0	294.778	99,4		
	Thu bổ sung cân đối	128.299			178.827	139,4		
	Thu bổ sung có mục tiêu	168.361			115.951	68,9		
D	THU TỪ NS CẤP DƯỚI NỘP LÊN	1.467			3.293	224,5		
E	THU KẾT DƯ NS NĂM TRƯỚC	8.899	0	0	3.676	41,3		
	Kết dư Thành phố	1.096			1.607			
	Kết dư xã, phường	7.804			2.069			

Lhu



Phụ lục số 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH2022/DT2022
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (A+B+C+D)	1 571 608	1 816 397	115,58
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ (A+B)	919 653	843 045	91,67
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRONG DỰ TOÁN	882 789	806 181	91,32
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	358 691	326 282	90,96
1	Nguồn vốn trong nước (nguồn vốn NS tỉnh cấp)	21 026	16 301	77,53
2	Nguồn quỹ đất	337 665	266 962	79,06
3	Ghi thu ghi chi chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất		43 019	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	506 680	465 642	91,90
1	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	107 858	89 905	83,35
1.1	Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí	1 975	1 938	98,14
1.2	Thủy lợi, nông nghiệp	400	400	99,89
1.3	Kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa	1 048	764	72,87
1.4	Hỗ trợ phát triển sản xuất	2 200		0,00
1.5	Kinh phí xây dựng các mô hình và tập huấn đào tạo chuyển giao KHKT nông nghiệp	200	200	100,00
1.6	Kinh phí thực hiện đề án đào tạo nghề cho du lịch	350	350	100,00
1.7	KP học tập kinh nghiệm	1 000	888	88,76
1.8	Mua sắm, sửa chữa tài sản	1 500	1 295	86,36
1.9	Kinh phí quy hoạch	194	194	100,00
1.10	Chi lương và công việc Trung tâm DVNN và phụ cấp khuyến nông viên	1 048	1 048	100,00
1.11	Ban quản lý rừng phòng hộ	927	669	72,13
1.12	Sự nghiệp lâm nghiệp	250	190	76,00
1.13	Sự nghiệp khác	22 000	11 679	53,09
1.13.1	KP bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	16 000	6 054	37,84
1.13.2	Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh	6 000	5 625	93,75
1.14	Đô thị loại 2	74 767	70 291	94,01
1.14.1	Kinh phí dịch vụ đô thị	60 000	60 000	100,00
1.14.2	Kinh phí khác	9 458	4 988	52,74

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH2022/DT2022
1.14.3	Các hoạt động sự nghiệp giao thông, xây dựng	400	400	100,00
1.14.4	BQL dịch vụ công ích thành phố	1 456	1 450	99,60
1.14.5	Đội quy tắc đô thị	3 453	3 453	100,00
2	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	234 916	229 875	97,85
3	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ	28 511	25 216	88,44
4	SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	5 557	5 445	97,98
4.1	Kinh phí xử lý môi trường	5 307	5 299	99,86
4.2	Sự nghiệp tài nguyên môi trường	250	146	58,24
5	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO	8 099	7 774	95,98
5.1	Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao	1 399	1 399	100,00
5.2	Tổ chức các ngày lễ	2 500	2 215	88,60
5.3	Tổ chức tuần văn hóa du lịch	3 000	3 000	100,00
5.4	Kinh phí đại hội thể dục thể thao	700	692	98,89
5.5	Kinh phí thực hiện Nghị quyết văn minh đô thị	500	468	93,51
6	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	1 663	1 663	100,00
6.1	Đài phát thanh truyền hình	1 663	1 663	100,00
7	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	29 214	28 948	99,09
8	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	51 498	50 714	98,48
8.1	Chi hoạt động của Cơ quan Đảng	13 369	13 369	100,00
8.1.1	Thành ủy: Chi lương + hoạt động	10 767	10 767	100,00
8.1.2	Thành ủy: Kinh phí thực hiện chế độ theo QĐ 1871	2 602	2 602	100,00
8.2	Chi quản lý Nhà nước	29 674	28 900	97,39
8.2.1	Lương và chi hoạt động	26 246	25 472	97,05
8.2.2	Chi công tác cải cách hành chính	619	619	100,00
-	Kinh phí hoạt động trang WEB và Trung tâm một cửa liên thông	569	569	100,00
-	KP rà soát hệ thống văn bản QPPL và kiểm soát TTHC	50	50	100,00
8.2.3	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	110	110	100,00
8.2.4	Công tác tài chính thành phố	110	110	100,00
8.2.5	Công tác thanh tra thành phố + trang cấp đồng phục thanh tra	110	110	100,00
8.2.6	Công tác tiếp công dân	149	149	100,00
8.2.7	Thi đua khen thưởng	2 000	2 000	100,00
8.2.8	Kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ	320	320	100,00

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH2022/DT2022
8.2.9	Chi công tác chỉ đạo điều hành CCHC (BCĐ CCHC)	10	10	100,00
8.3	Hỗ trợ hội đoàn thể	6 965	6 965	100,00
8.3.1	Lương và chi hoạt động	6 965	6 965	100,00
8.4	Các ban chỉ đạo	790	780	98,73
8.5	Kinh phí đại hội các hội đoàn thể	700	700	100,00
9	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐỊA PHƯƠNG	7 400	7 230	97,70
9.1	Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	600	600	100,00
9.2	KP phục vụ công tác cấp căn cước công dân và đăng ký quản lý cư trú	100	100	100,00
9.3	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng tiếp dân, trực ban và phương tiện phục vụ tác chiến	250	250	100,00
9.4	Chi ATGT	380	210	55,26
9.5	Chi quốc phòng	4 440	4 440	100,00
9.6	Đại đội pháo 37mm	1 531	1 531	100,00
9.7	Hỗ trợ KP hoạt động Đồn biên phòng Nhật Lệ	100	100	100,00
10	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	13 260	12 921	97,44
10.1	Đoàn ra đoàn vào	2 000	2 000	100,00
10.2	Xét xử lưu động, hoạt động của đoàn hội thẩm nhân dân và hoạt động thi hành án dân sự	270	270	100,00
10.3	Thống kê (xây dựng niêm giám thống kê)	57	57	100,00
10.4	Vốn ủy thác cho Ngân hàng CSXH cho vay	2 000	2 000	100,00
10.5	KP KSK cán bộ (Bệnh viện đa khoa TP)	460	460	100,00
10.6	Hỗ trợ công đoàn thành phố (liên đoàn lao động)	57	57	100,00
10.7	Chi khác	3 066	3 061	99,84
10.8	Hỗ trợ các đơn vị	2 850	2 654	93,13
10.9	Các hoạt động đón năm mới	1 500	1 492	99,43
10.10	KP làm việc với các sở, ban ngành	1 000	870	87,02
11	TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN	18 704	5 952	31,82
III	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	17 418	14 256	81,85
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	36 864	36 864	100,00
1	Chi bổ sung cân đối	36 864	36 864	100,00
C	CHI NGOÀI DỰ TOÁN	651 955	359 528	55,15
I	Tính bổ sung có mục tiêu	108.744	87.033	80,03
1	Chi đầu tư	5.310	1.654	31,16

TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh TH2022/DT2022
2	Chi thường xuyên	103.434	85.379	82,54
II	Chi từ nguồn chuyển nguồn	543.211	272.495	78
1	Chuyển nguồn đầu tư	408.747	250.663	61,32
2	Chuyển nguồn thường xuyên	134.464	21.831	16,24
D	CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM 2022 SANG NĂM 2023		613.824	

Lhu



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị: đồng

Phân thu	Tổng số	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phân chi	Tổng số	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1		4	5	6	7	9	10
Tổng số thu	2.245.741.592.774	1.818.357.179.835	427.384.412.939	Tổng số chi	2.237.517.231.506	1.816.396.754.645	421.120.476.861
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	2.245.741.592.774	1.818.357.179.835	427.384.412.939	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	2.237.517.231.506	1.816.396.754.645	421.120.476.861
1. Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	326.918.679.631	320.066.125.719	6.852.553.912	1. Chi đầu tư phát triển	766.794.748.599	578.600.150.383	188.194.598.216
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	836.619.517.220	655.401.797.111	181.217.720.109	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	0		
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	0			3. Chi thường xuyên	658.062.873.664	558.302.366.604	99.760.507.060
4. Thu kết dư năm trước	3.675.648.733	1.606.824.000	2.068.824.733	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0		
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	715.683.492.174	543.211.184.874	172.472.307.300	5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	64.773.006.885	64.773.006.885	
6 Thu từ NS cấp dưới nộp lên	3.293.435.000	3.293.435.000		6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	743.696.152.358	613.824.215.773	129.871.936.585
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	359.550.820.016	294.777.813.131	64.773.006.885	7. Chi nộp ngân sách cấp trên	4.190.450.000	897.015.000	3.293.435.000
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	215.690.885.000	178.826.920.000	36.863.965.000				
- Bổ sung có mục tiêu	143.859.935.016	115.950.893.131	27.909.041.885				
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	8.224.361.268	1.960.425.190	6.263.936.078				
- Bội chi = chi - thu ¹							
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh¹ (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)				B Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)¹			

*Ghi chú:

Số liệu thu, chi trừ số tiền bổ sung từ ngân sách thành phố cho ngân sách xã phường: 64.773.006.865 đồng để tránh trùng làm tăng thu, tăng chi ngân sách địa phương:

- Tổng thu: 2.245.741.592.774 -64.773.006.885 2.180.968.585.889 đồng

- Tổng chi: 2.237.517.231.506 -64.773.006.885 2.172.744.224.621 đồng